**ĐÁP ÁN & THANG ĐIỂM ĐỊA 11 TN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| made | cau | dapan |  | made | cau | dapan |  | made | cau | dapan |  | made | cau | dapan |
| 132 | 1 | C |  | 209 | 1 | D |  | 357 | 1 | B |  | 485 | 1 | D |
| 132 | 2 | D |  | 209 | 2 | A |  | 357 | 2 | C |  | 485 | 2 | D |
| 132 | 3 | D |  | 209 | 3 | C |  | 357 | 3 | C |  | 485 | 3 | C |
| 132 | 4 | D |  | 209 | 4 | D |  | 357 | 4 | B |  | 485 | 4 | B |
| 132 | 5 | B |  | 209 | 5 | A |  | 357 | 5 | A |  | 485 | 5 | A |
| 132 | 6 | A |  | 209 | 6 | A |  | 357 | 6 | A |  | 485 | 6 | B |
| 132 | 7 | B |  | 209 | 7 | C |  | 357 | 7 | B |  | 485 | 7 | D |
| 132 | 8 | A |  | 209 | 8 | B |  | 357 | 8 | D |  | 485 | 8 | D |
| 132 | 9 | A |  | 209 | 9 | B |  | 357 | 9 | D |  | 485 | 9 | A |
| 132 | 10 | B |  | 209 | 10 | D |  | 357 | 10 | C |  | 485 | 10 | C |
| 132 | 11 | C |  | 209 | 11 | C |  | 357 | 11 | A |  | 485 | 11 | C |
| 132 | 12 | B |  | 209 | 12 | A |  | 357 | 12 | D |  | 485 | 12 | A |
| 132 | 13 | A |  | 209 | 13 | D |  | 357 | 13 | D |  | 485 | 13 | B |
| 132 | 14 | C |  | 209 | 14 | B |  | 357 | 14 | C |  | 485 | 14 | A |
| 132 | 15 | D |  | 209 | 15 | C |  | 357 | 15 | A |  | 485 | 15 | B |
| 132 | 16 | C |  | 209 | 16 | B |  | 357 | 16 | B |  | 485 | 16 | C |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **ĐÁP ÁN** | **ĐIỂM** |
| **Câu 1**  | *a.Vị trí địa lí*            +  Nằm ở 2 châu lục Á – Âu            + Giáp 14 nước ở phía nam và tây-tây nam.            + Phía bắc, phía đông, phía tây và tây nam đều giáp biển-đại dương.*b. Lãnh thổ*            + Diện tích rộng nhất thế giới, gồm đồng bằng Đông Âu và toàn bộ Bắc Á.            + Đất nước trải dài trên 11 múi giờ            + Tỉnh Caliningrát biệt lập phía tây.*c. Đánh giá:*   + Thuận lợi: Giao lưu ,phát triển các ngành kinh tế, nhất là kinh tế biển và tạo cho cảnh quan thiên nhiên đa dạng.   + Khó khăn: Bảo vệ an ninh – quốc phòng; quản lí và khai thác lãnh thổ. | 0.250.250.250.250.250. 250.250.25 |
| **Câu 2** | **2) Chiến lược kinh tế mới: từ năm 2000**+ Đưa nền kinh tế từng bước thoát khỏi khủng hoảng.+ Tiếp tục xây dựng nền kinh tế thị trường.+ Mở rộng ngoại giao.+ Coi trọng hợp tác với Châu Á trong đó có Việt Nam.+ Nâng cao đời sống nhân dân.+ Khôi phục lại vị trí cường quốc.**- Khó khăn**+ Phân hóa giàu nghèo.+ Chảy máu chất xám. | 0.250.250.250.250.250.250.250.25 |
| **Câu 3** | * Vẽ biểu đồ đường đúng tỉ lệ, không gạch xóa đầy đủ tên, chú giải
* *Thiếu tên hoặc chú giải trừ 0, 5 điểm*
* *Sai tỉ lệ trừ 1 điểm*
 | 2,0 |